

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2017/DSPT

Ngày: 08 - 9 - 2017

V/v tranh chấp lối đi và

yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán:

1. Ông Y Phi Kbuôr.

2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017, về việc “*Tranh chấp lối đi và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2017/DSST ngày 30/6/2017, của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 và bà Ngô Thị Nh, sinh năm 1983; cùng trú tại: Xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, (ông T, có mặt, bà Nh, vắng mặt).

(Bà Ngô Thị Nh ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 01 năm 2016 và ngày 13 tháng 10 năm 2016).

- *Bị đơn*: Ông Lê Thế U, sinh năm 1960; trú tại: Xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn M, chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1964, chức vụ: Thẩm tra viên (theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 6 năm 2016), (Có mặt).

Địa chỉ: Đường GP, thị trấn EC, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Q; trú tại: Xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

(Bà Nguyễn Thị Q ủy quyền cho ông Lê Thế U tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 9 năm 2016).

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; cùng trú tại: Xã YL, huyện YD, tỉnh Bắc Giang, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Ngô Quang L, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1979; cùng trú tại: Xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Lê Thế Ch, sinh năm 1986; trú tại: Xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1983; cùng trú tại: Xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Ngô Thị Nh trình bày:

Vào năm 2008 vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Nh (viết tắt là vợ chồng ông T) có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D (viết tắt là vợ chồng ông V) 11.360 m² đất tọa lạc tại thôn AA, xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa lô đất của vợ chồng ông T và lô đất của vợ chồng ông V có một con đường đi chung, chiều rộng 03m, chiều dài 420m (đo đạc thực tế dài 428,5m), có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp suối; phía Nam giáp đất ông V (sau này vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng lại); phía Bắc giáp đất ông V (hiện nay ông U đang sử dụng). Con đường này có từ trước khi ông V nhận chuyển nhượng lại từ ông Lương Viết Tr. Năm 2014 vợ chồng ông T kê khai làm thủ tục chuyển

nhượng và được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17 tháng 10 năm 2014, kể từ đó đến nay vợ chồng ông T và ông V vẫn sử dụng con đường đó làm đường đi chung để đi lại sản xuất.

Năm 2012, lô đất còn lại của ông V, giáp với lô đất của ông T bị Cơ quan thi hành án dân sự huyện EB cưỡng chế bán đấu giá để thi hành án và ông Lê Thế U là người trúng đấu giá. Khi cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên lô đất nói trên, ông T có khiếu nại về việc kê biên nhưng do lúc đó lô đất nói trên chưa chuyển nhượng cho vợ chồng ông T nên Cơ quan Thi hành án không giải quyết. Sau khi ông U mua trúng đấu giá lô đất trên, ông T và ông U vẫn sử dụng con đường đi này bình thường, không có tranh chấp. Tuy nhiên, đến tháng 7 năm 2015 ông U cho rằng con đường đi này nằm trong phần diện tích đất ông mua trúng đấu giá nên đã tự ý rào lại, không cho vợ chồng ông T sử dụng. Vì vậy, vợ chồng ông T không thể vận chuyển phân bón, vật tư để phục vụ sản xuất và thu hoạch Cà phê.

Sau khi sự việc xảy ra vợ chồng ông T có khiếu nại lên Ủy ban nhân xã EH, huyện EB giải quyết vụ việc nhưng không thành nên vợ chồng ông T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thế U phải tự dỡ bỏ hàng rào, trả lại con đường đi chung cho vợ chồng ông T sử dụng như trước đây vì đây là con đường độc đạo để vợ chồng ông T, ông U và các hộ gia đình ông L, bà Nh1 sử dụng để đi lại sản xuất. Nếu Cơ quan thi hành án dân sự huyện EB kê biên, cưỡng chế để thi hành án đúng với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông V thì yêu cầu Tòa án buộc ông U mở đường đi cũ cho vợ chồng ông T sử dụng, đối với diện tích đường đi nằm trong diện tích đất ông U mua trúng đấu giá thì vợ chồng ông T có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông U theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 12 tháng 10 năm 2016 vợ chồng ông T bổ sung yêu cầu khởi kiện vì cho rằng quá trình ông U rào cả con đường đi chung đã gây ảnh hưởng cho gia đình ông về kinh tế cũng như là danh dự nên yêu cầu bồi thường như sau:

Về kinh tế: Sau khi ông Lê Thế U rào con đường từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 đến hết năm 2015, vợ chồng ông T đã hai lần bón phân và 01 vụ thu hoạch cà phê ước tính về công đi lại, vận chuyển, thu hoạch cà phê cũng như công chăm sóc bị tăng lên so với những năm trước khi chưa bị rào con đường đi chung, cụ thể như sau: $30 \text{ công} \times 160.000 \text{ đồng/công} = 4.800.000 \text{ đồng}$. Từ đầu năm 2016 cho đến nay đã trải qua 4 lần chăm bón ước tính chi phí tăng lên do không có con đường là: $12 \text{ công} \times 160.000 \text{ đồng/công} = 1.920.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng, yêu cầu ông U phải bồi thường cho vợ chồng ông T 6.720.000 đồng.

Về danh dự: Sau khi ông Lê Thế U rào con đường thì vợ chồng ông T bị rất nhiều tổn thương về tinh thần và vấn đề giao tiếp. Vì vậy, vợ chồng ông T yêu cầu ông Lê Thế U phải xin lỗi bằng văn bản.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thế U trình bày:

Vào ngày 04 tháng 4 năm 2012 ông Lê Thế U có mua trúng đấu giá 18.353 m² đất với giá 601.100.000 đồng, ông đã giao đủ số tiền, diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 726367 ngày 19 tháng 8 năm 2008 cho vợ chồng ông V, đến ngày 19 tháng 10 năm 2016 thì Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 613413 cho ông U.

Sau khi mua trúng đấu giá, Cơ quan thi hành án dân sự huyện EB đã giao đất và tài sản gắn liền trên đất theo biên bản bàn giao đất ngày 25 tháng 5 năm 2012, từ khi nhận bàn giao thì ông U sử dụng đúng diện tích, không lấn chiếm của ai, đến tháng 07 năm 2015 do nhu cầu canh tác nên ông đã tiến hành rào diện tích đất của ông lại nhưng vợ chồng ông T cho rằng ông U rào con đường đi chung là không có căn cứ, vì: Đối với vị trí ông U rào là đất của ông đã mua hợp pháp, nhận bàn giao từ Cơ quan thi hành án không phải đường đi chung. Đối với cây mít thứ 2 tính từ trên đường xuống, trước mặt ngôi nhà ông U đang sử dụng thì ông xác định đây là cây mít thuộc phần đất của ông do Cơ quan Thi hành án đã bàn giao. Còn việc vợ chồng ông T yêu cầu ông phải mở lối đi chung trong trường hợp vị trí lối đi chung nằm trong diện tích đất của ông và trả chi phí theo quy định của pháp luật, ông U không chấp nhận vì đây là đất của ông, ông mua để sử dụng riêng, không mở lối đi chung. Mặt khác, vợ chồng ông T có quyền tự mở con đường đi lên phía trên giáp đường, không có gì phải yêu cầu ông phải mở lối đi chung.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Vợ chồng ông T trình bày thiệt hại về kinh tế do việc ông U rào con đường là không có căn cứ nên ông U không chấp nhận bồi thường, bởi giữa đất của ông U đang sử dụng với lô đất trước đây đất của vợ chồng ông V hiện nay vợ chồng ông T đang sử dụng không có con đường đi chung nào, trên bản đồ tổng thể cũng không có con đường đi chung nào.

Về danh dự: Con đường là của gia đình ông U, ông rào lại là quyền của ông, không gây ảnh hưởng gì đến gia đình ông T. Vợ chồng ông T yêu cầu ông phải xin lỗi là không hợp lý, không có cơ sở vì ông không làm gì ảnh hưởng đến danh dự vợ chồng ông T nên ông không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB, tỉnh Đắk Lắk ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

Đề thi hành các bản án, quyết định: Số 08/2011/DSPT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; số 22/2010/DSST ngày 05 tháng 8 năm 2010; số 12/2010/DSST ngày 28 tháng 4 năm 2010; số 33/2010/QĐST-DS, ngày 22 tháng 6 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo. Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định thi hành án cho thi hành các khoản đối với vợ chồng ông V phải thi hành tổng số tiền 663.944.998 đồng.

Trong đó: Phải trả cho ông Lương Viết Tr theo quyết định thi hành án số 37/QĐ-THA, ngày 11 tháng 10 năm 2010 với số tiền 98.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự. Theo quyết định thi hành án số 675/QĐ-THA, ngày 04 tháng 4 năm 2011 với số tiền 284.399.999 đồng và lãi suất chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự. Phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu E theo quyết định thi hành án số 649/QĐ-THA ngày 23 tháng 3 năm 2011, số tiền 261.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự. Phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định thi hành án số 488/QĐ-THA, ngày 27 tháng 12 năm 2010, số tiền 6.525.000 đồng, theo quyết định thi hành án số 661/QĐ-THA, ngày 25 tháng 3 năm 2011, số tiền 14.019.999 đồng.

Sau khi đã tổng đạt các quyết định thi hành án và làm việc với vợ chồng ông V, Chi cục thi hành án đã tiến hành xác minh, thì được biết ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D có 01 thửa đất số 98, tờ bản đồ số 63, diện tích 18.353m² tại **Thôn AA**, xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk mang tên hộ ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 726367 ngày 19 tháng 8 năm 2008, thửa đất này trước đây ông V, bà D nhận chuyển nhượng lại của ông Lương Viết Tr.

Ngày 16 tháng 8 năm 2011, Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB đã tiến hành ra Quyết định cưỡng chế số 24/QĐ-THA, ngày 24 tháng 8 năm 2011 tiến hành kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với Quyền sử dụng đất, diện tích 18.353m² tại thửa số 98, tờ bản đồ số 63. Khi bàn giao cạnh phía Nam giáp đất ông V (thửa số 99a) chứ không có giáp con đường. Các tài sản gắn liền trên đất có 1.680 cây cà phê, các loại cây ăn quả, nhà ở và các công trình khác.

Ngày 01 tháng 9 năm 2011, Chi cục thi hành án đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty cổ phần và thông tin thẩm định giá MN thẩm định toàn bộ tài sản đã kê biên của ông V, bà D có tổng giá trị: 734.680.000 đồng.

Sau khi có kết quả thẩm định giá, Chi cục thi hành án đã ký hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ đấu giá và tư vấn MN bán toàn bộ tài sản kê biên ngày 24 tháng 8 năm 2011 với giá khởi điểm là 734.680.000 đồng. Sau 02 lần

giảm giá, ngày 04 tháng 4 năm 2012 Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ đấu giá và tư vấn MN đã bán cho ông Lê Thế U với giá 601.100.000 đồng theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 02/HĐMB/SASC ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ đấu giá và tư vấn MN.

Ngày 25/5/2012, Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB đã tiến hành giao toàn bộ tài sản cho ông Lê Thế U theo quyết định giao tài sản số 16/QĐ -THA, ngày 14 tháng 5 năm 2012 và tiến hành chi trả tiền theo Quyết định thi hành án.

Tại thời điểm bàn giao đất, trên đất có 04 cây mít, Cơ quan Thi hành án đã bàn giao cho ông U 04 cây mít, vị trí của các cây mít như thế nào, hiện nay còn mấy cây thì Chi cục thi hành án không rõ. Tại thời điểm kê biên bàn giao đất và tài sản thì thuộc quyền sử dụng của ông V, không phải của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Vào ngày 04 tháng 4 năm 2012 chồng bà là ông Lê Thế U có mua trúng đấu giá diện tích đất 18.353 m² của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ đấu giá và tư vấn MN, với giá 601.100.000 đồng, chồng bà đã giao đủ số tiền và nhận đất và tài sản trên đất, đối với diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 726367 ngày 19 tháng 8 năm 2008 cho hộ anh V. Đến ngày 19 tháng 10 năm 2016 ông U đã được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 613413 đối với thửa đất này. Việc giao dịch mua đất là do chồng bà giao dịch, bà không bổ sung ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thế Ch trình bày:

Ngày 04 tháng 4 năm 2012 ông Lê Thế U là bố anh Ch có mua trúng đấu giá diện tích đất 18.353 m² đất do Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB kê biên bán đấu giá bảo đảm cho việc thi hành án, thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 726367 ngày 19 tháng 8 năm 2008 cho hộ anh V. Sau khi mua trúng đấu giá thì Cơ quan thi hành án có bàn giao đất và tài sản trên đất cho ông U đúng diện tích, đúng ranh giới, anh Ch có chứng kiến việc này. Hiện nay, lô đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 413613 ngày 19 tháng 10 năm 2016 cho ông Lê Thế U. Anh Ch là người giúp ông U canh tác trên diện tích đất này, anh không có quyền gì đối đất và tài sản trên đất, tài sản này là của ông U. Vì vậy, anh Ch khẳng định việc anh T, chị Nh cho rằng có con đường đi nằm giữa thửa đất của ông U và vợ chồng anh T là không đúng, việc ông U rào hàng rào là hoàn toàn thuộc diện tích đất của ông U.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh T là em ruột của anh V còn chị Nh là em dâu, ông U chỉ có quan hệ là cùng thôn, còn ông Lương Viết Tr với anh thì không có quan hệ gì. Thửa đất số 98 tờ bản đồ số 63 được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 726367 ngày 19 tháng 8 năm 2008 cho vợ chồng anh V, do anh vay nợ không có trả nên bị các chủ nợ khởi kiện, sau đó Cơ quan thi hành án đã bán đấu giá và người mua trúng đấu giá là ông Lê Thế U. Lô đất trên vào năm 1996, anh mua lại của người một người không rõ lai lịch vì thời gian đã quá lâu, chỉ nhớ khi mua còn là rừng nguyên sinh, sau khi mua đất thì vợ chồng anh tự khai phá để trồng trọt, canh tác.

Đối với thửa đất số 99a, tờ bản đồ số 63, được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 959470 ngày 19 tháng 8 năm 2008 cho vợ chồng anh V, đến năm 2009 anh V để lại cho em trai là Nguyễn Văn T, vợ là Ngô Thị Nh, thửa đất có tứ cận: phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đất anh T, phía Bắc giáp đất nhà ông U, hiện nay có diện tích 11.360m² đất mang tên vợ chồng anh T. Khi anh V mua đất xong thì vợ chồng anh khai phá và tự mở con đường để đi vào làm chứ không phải có từ trước và không phải ai làm cho, anh chị sử dụng cho đến khi bán đất đi cũng vẫn còn con đường, con đường chạy từ phía đông xuống phía tây giáp bờ suối, đường rộng 6,5m, khi anh V chuyển nhượng cho vợ chồng anh T, ông U mua trúng đấu giá cũng vẫn còn con đường 6,5m. Đây là con đường đi chung giữa hai gia đình ông U và anh T. Nay ông U lấn chiếm và rào con đường lại là không đúng, anh V đề nghị trả lại hiện trạng con đường như ban đầu, chiều rộng 6,5m, chiều dài từ đầu đường xuống bờ suối.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D là vợ của anh V, anh T là em trai của anh V, còn chị Nh là em dâu. Diện tích đất là vợ chồng chị khai phá từ trước, sau đó bán cho anh T vì anh chị về bắc ở. Nội dung vụ kiện anh T khởi kiện ông U trả lại lối đi như trước đây, chồng chị là anh V đã trình bày đầy đủ và đồng ý với lời khai của anh V, chị D không có ý kiến gì bổ sung. Đề nghị ông U trả lại con đường đi có chiều rộng 6,5m.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Ngô Quang L, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Năm 1996 vợ chồng anh L, chị A có sử dụng diện tích đất 3,2 ha tọa lạc tại Thôn AA, xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, phía Bắc diện tích đất này giáp với đất của vợ chồng anh V (nay là vợ chồng anh T đang sử dụng). Vợ chồng anh L thấy giữa hai lô đất của ông Tr (nay là ông U đang sử dụng) với lô đất của anh V (nay vợ chồng anh T đang sử dụng) có một lối đi từ đầu đường xuống dưới suối. Trước

đây, vợ chồng anh L thỉnh thoảng có đi xuống để đặt máy tưới, lối đi này có từ bao giờ, thuộc phần đất của ai vợ chồng anh, chị cũng không biết. Việc tranh chấp lối đi giữa vợ chồng anh T với ông U không có liên quan đến vợ chồng anh chị, đề nghị không triệu tập vợ chồng anh chị và từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị C trình bày:

Năm 2006 vợ chồng anh B, chị C có nhận sang nhượng của anh F thửa đất số 91, tờ bản đồ số 63 tại Thôn AA, xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 19.176 m², phía Nam diện tích đất này giáp với đất ông U đang sử dụng và không có tranh chấp gì. Từ khi vợ chồng anh sử dụng diện tích đất này thì thấy giữa hai lô đất của ông Tr, sau đó ông V và hiện nay là ông U đang sử dụng với lô đất của anh V sử dụng, hiện nay là vợ chồng anh T đang sử dụng có một lối đi từ đầu đường xuống phía dưới suối. Từ năm 2006 đến năm 2015 vợ chồng anh B vẫn đi con đường này xuống để đặt máy tưới, từ khi xảy ra tranh chấp giữa gia đình anh T với ông U thì gia đình anh không sử dụng con đường này nữa, lối đi này có từ bao giờ, thuộc phần đất của ai vợ chồng anh cũng không biết. Việc tranh chấp lối đi giữa vợ chồng anh T với ông U không có liên quan đến vợ chồng anh chị nên đề nghị không triệu tập vợ chồng anh chị và từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người làm chứng ông Lương Viết Tr trình bày:

Năm 1995 ông Tr có khai hoang được 18.353m² đất, năm 2002 được Ủy ban nhân dân huyện EB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ 329269QSD Đ/EH ngày 20 tháng 5 năm 2002, diện tích lô đất này hiện nay ông Lê Thế U đang sử dụng, trong quá trình canh tác thì ông có mở 01 con đường giữa lô đất này để đi lại canh tác và đi vào nhà ở giữa lô đất, nhưng mỗi khi có mưa là nước chảy từ phía trên xuống sân nhà, hai năm sau thấy không thuận lợi nên ông Tr có phá một hàng cây cà phê giáp đất của vợ chồng anh V, chị D (thửa số 99a) để làm lối đi riêng của gia đình cho thuận tiện trong việc đi lại canh tác rẫy và đi vào nhà. Năm 2007 do không có nhu cầu sử dụng đất nữa nên ông chuyển nhượng lại diện tích đất nói trên cho anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị D. Trong quá trình ông Tr sử dụng lô đất này thì đường đi nói trên vẫn là của gia đình ông. Vợ chồng anh V đi nhờ từ nhà anh V xuống suối, còn từ nhà riêng của anh V lên đường chính (phía đông) thì anh V có đường đi xuống nhưng lại không đi, vì vợ chồng anh V không mở đường ở phần đất của mình đi từ nhà xuống suối nên vẫn đi nhờ con đường của gia đình ông. Ông Tr khẳng định là giữa 02 lô đất của ông U và anh T đang sử dụng khi ông còn sử dụng thì không có con đường đi chung nào.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng anh Lê Thế F trình bày:

Năm 2011 anh F là công an viên thường trực xã EH. Ngày 24 tháng 8 năm 2011 anh F được mời tham gia đi kê biên, xử lý tài sản tại nhà rẫy của anh V và chị D. Do thời gian đã quá lâu anh F không còn nhớ cụ thể nhưng anh vẫn còn nhớ diện tích đất này có một con đường đi, đó là con đường do ông Tr là chủ cũ của lô đất này mở để đi vào rẫy nhà ông Tr, sau đó ông Tr bán cho anh V, anh V bị kê biên và Chi cục thi hành án bán đấu giá thì ông U mua. Anh F khẳng định đây là con đường đi riêng vào rẫy nhà ông U do chủ cũ mở, không phải con đường đi chung của nhà ông U và anh T. Việc kê biên của Chi cục thi hành án ngày 24 tháng 8 năm 2011 là đúng pháp luật, đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông U sử dụng đúng hiện trạng từ khi nhận bàn giao cho đến nay, không có thay đổi gì. Con đường vợ chồng anh T tranh chấp cho rằng đó là con đường đi chung là không có căn cứ, nó nằm thuộc hoàn toàn diện tích đất của ông U.

Người làm chứng anh Trương Đình Đ, anh Nguyễn Văn G, anh Lại Long Kh, anh Ksor Y Ktrình bày:

Vào ngày 24 tháng 8 năm 2011 các anh có ký vào biên bản kê biên, xử lý tài sản tại nhà và rẫy của anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị D. Sự việc kê biên diễn ra năm 2011 cho đến nay đã quá lâu nên không nhớ được cụ thể việc kê biên diễn ra như thế nào. Nội dung việc kê biên, xử lý tài sản đã được ghi cụ thể trong biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 24 tháng 8 năm 2011. Việc kê biên được thực hiện đúng quy định pháp luật, các anh nhận thấy mình không có liên quan gì trong vụ án nên xin được từ chối tham gia tố tụng.

Người làm chứng anh Nguyễn Tiến Z, anh Y O Ksor trình bày:

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2012 anh Z, anh O có ký vào biên bản giao, nhận tài sản thi hành án tại nhà và rẫy của anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị D. Sự việc giao, nhận tài sản diễn ra năm 2012 cho đến nay đã quá lâu nên anh Z, anh O không nhớ được cụ thể việc giao, nhận diễn ra như thế nào. Nội dung việc giao, nhận tài sản đã được ghi cụ thể trong biên bản giao, nhận tài sản ngày 25 tháng 5 năm 2012. Việc giao, nhận được thực hiện đúng quy định pháp luật. Nay anh Z, anh O nhận thấy mình không có liên quan gì trong vụ án nên xin được từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản án số 13/2017/DSST ngày 30/6/2017, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo quyết định như sau:

Áp dụng khoản 7 Điều 25; điểm a khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, được sửa đổi bổ sung năm 2011. Khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị Nh về việc buộc ông Lê Thế U mở lại con đường đi có chiều rộng 03m, chiều dài 428,5m nằm giữa hai thửa đất số 98 và 99a tờ bản đồ số 63; yêu cầu mở lối đi chung và bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị Nh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu mở lại lối đi chung và 336.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp (200.000 đồng theo biên lai số 31380 ngày 23 tháng 11 năm 2015; 168.000 đồng theo biên lai số 0034778 ngày 19 tháng 10 năm 2016) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị Nh phải tiếp tục chịu 168.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Ngô Thị Nh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản. Số tiền này được khấu trừ vào 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản, 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản mà anh T đã nộp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/7/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 13/2017/DSST ngày 30/6/2017, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tổ tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất; Biên bản giao, nhận tài sản thi hành án và trích lục bản đồ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 98 (ông U đang sử dụng) và thửa đất số 99a (ông T đang sử dụng) thì ranh giới giữa hai thửa đất này không thể hiện con đường đi nào. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Tr khẳng định giữa hai thửa đất mà ông T và ông U đang sử dụng không có con đường đi chung nào. Con đường mà ông T cho rằng là lối đi chung là do ông Tr tự chặt bỏ một hàng cà phê trên phần đất của ông Tr giáp ranh với đất của ông V, bà D (thửa đất 99a, hiện nay ông T đang sử dụng) để làm lối đi vào nhà. Trong quá trình ông Tr sử dụng con đường này thì gia đình ông V có đi nhờ để xuống suối, còn từ nhà ông V lên đường chính (phía Đông) thì ông V có con đường đi khác. Ông T, bà Nh khởi kiện cho rằng phần đất ông U rào là lối đi chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Nh về việc yêu cầu ông U trả lại lối đi chung là có căn cứ.

Về yêu cầu ông U phải mở lối đi chung và bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi: Theo trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ giải thửa của thửa đất cấp cho ông T và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2016, thì phía Đông của thửa đất này giáp với đường đi chung của thôn AA, xã EH. Theo biên bản xác minh ngày 22/02/2017 (BL số 289) thì trên thửa đất ông T đang sử dụng ông T đã làm nhà và mở một lối đi vào nhà mình ở giữa thửa đất. Như vậy, thửa đất của ông T không bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông U phải mở lối đi chung là không có căn cứ. Do không có căn cứ chứng minh ông U đã rào lối đi chung nên việc ông T, bà Nh yêu cầu ông U phải bồi thường thiệt hại 6.720.000 đồng và công khai xin lỗi là không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày 30/6/2017, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc của thửa đất số 98, tờ bản đồ 63, diện tích 18.353 m² tại Thôn AA, xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là của ông Lương Viết Tr, năm 2002 ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 ông Tr chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D. Do ông V, bà D có nghĩa vụ thi hành án trả nợ cho một số cá nhân nên ngày 24/8/2011 thửa đất trên đã bị Chi cục thi hành án dân sự huyện EB kê biên và đưa ra bán đấu giá. Ông Lê Thế U là người mua trúng đấu giá thửa đất của ông V, bà D. Ngày 25/5/2012, Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB đã tiến hành bàn giao toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất cho ông Lê Thế U.

[2.2] Về nguồn gốc diện tích đất 11.360 m² thửa đất số 99a, tờ bản đồ số 63, tọa lạc tại Thôn AA, xã EH, huyện EB, tỉnh Đắk Lắk theo như ông T, bà Nh trình bày thì vào năm 2008 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông V, bà D. Đến năm 2014 vợ chồng ông T mới làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông V sang cho vợ chồng ông T, ông T cho rằng khi nhận chuyển nhượng thì phía Bắc của thửa đất có con đường đi chung nhưng ông U đã rào không cho ông T sử dụng lối đi này nên các bên xảy ra tranh chấp.

[2.3] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được thì Hội đồng xét xử thấy: Khi ông Lê Thế U nhận bàn giao thửa đất số 98, tờ bản đồ số 63, diện tích 18.353m² của ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D từ Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB thì thửa đất số 98, tờ bản đồ số 63 có cạnh phía Nam giáp với thửa đất 99a (thửa đất của ông T), không có giáp con đường nào. Tại tờ bản đồ giải thửa số 63 (được phê duyệt ngày 25/6/2002- BL 121) thể hiện: Thửa đất số 98 (đất ông U đang sử dụng) giáp với thửa đất số 99a (đất ông T đang sử dụng), giữa hai thửa đất không có con đường nào. Theo trích lục bản đồ thửa đất số 98, tờ bản đồ số 63, diện tích 18.353m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/5/2002 cho hộ ông Lương Viết Tr (đã được điều chỉnh ngày 16/7/2008) có chữ ký của các chủ thửa kế cận là ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Bá F thì cạnh phía Nam của thửa đất ông Tr giáp với thửa đất 99a(thửa đất của ông V đã sang nhượng lại cho ông T đang sử dụng). Theo trích lục bản đồ thửa đất số 98, tờ bản đồ số 63, diện tích 18.353m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM726367, cấp ngày 19/8/2008 cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D thì cạnh phía Nam của thửa đất này giáp với thửa đất số 99 (nay là thửa đất 99a của ông T). Theo trích lục bản đồ thửa đất 99a, tờ bản đồ số 63, diện tích 11.360m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 959470, cấp ngày 17/10/2014 cho ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Nh (BL 12-13), thì cạnh phía Bắc của thửa đất này giáp với thửa đất 98 (thửa đất

ông U đang sử dụng), không thấy thể hiện con đường nào giữa hai thửa đất này. Tại Công văn số 85/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện EB cung cấp “*Trong bản đồ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ địa chính từ trước cho đến nay giữa hai thửa đất số 98 và thửa đất số 99a, tờ bản đồ 63 không thể hiện con đường*”. Mặt khác, Theo như lời khai của ông Lương Viết Tr xác định giữa hai thửa đất mà ông T và ông U đang sử dụng không có con đường đi chung nào, con đường mà ông T cho là con đường đi chung là do lúc ông còn sử dụng thì ông phá một hàng cà phê để mở đường cho gia đình ông đi lại, canh tác rẫy và thuộc diện tích thửa đất số 98. Như vậy, căn cứ nguồn gốc sử dụng đất, trích lục bản đồ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất 98 và 99a cũng như biên bản giao nhận tài sản giữa ông Lê Thế U và Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB thì giữa hai thửa đất này không thể hiện con đường nào. Ông T, bà Nh cho rằng phần đất ông U rào là lối đi chung nhưng ông, bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu mở lối đi chung của ông T: Qua biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2016 và qua biên bản xác minh ngày 22/02/2017 thì về tứ cận thửa đất số 99a, tờ bản đồ 63 mà gia đình ông T, bà Nh đang sử dụng thì phía Đông của thửa đất 99a (thửa đất của ông T) giáp với đường đi của thôn AA, xã EH, thửa đất không bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề. Vì vậy, việc ông T, bà Nh yêu cầu ông U mở lối đi là không có căn cứ.

[2.5] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung: Ông T, bà Nh yêu cầu ông U phải bồi thường thiệt hại là 6.720.000 đồng và buộc ông U phải xin lỗi gia đình ông, bà bằng văn bản do hành vi rào đường của ông U, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Nh về việc yêu cầu ông U mở lối đi chung không được chấp nhận, không có căn cứ chứng minh ông U đã rào lối đi chung, nên việc ông T, bà Nh yêu cầu ông U phải bồi thường thiệt hại là 6.720.000 đồng và công khai xin lỗi là không có căn cứ.

[2.6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Thế U mở lại con đường đi có chiều rộng 03m, chiều dài 428,5m nằm giữa hai thửa đất số 98 và 99a, tờ bản đồ số 63; yêu cầu mở lối đi chung và bồi thường thiệt hại 6.720.000 đồng, công khai xin lỗi là có căn cứ. Do vậy, kháng cáo ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EB theo biên lai thu số 0043176, ngày 11/7/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1.1] Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

[1.2] Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Nh về việc buộc ông Lê Thế U mở lại con đường đi có chiều rộng 03m, chiều dài 428,5m nằm giữa hai thửa đất số 98 và 99a tờ bản đồ số 63; yêu cầu mở lối đi chung, bồi thường thiệt hại 6.720.000 đồng và công khai xin lỗi.

[1.3] Về chi phí xem xét thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Nh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản. Số tiền này được khấu trừ vào 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tài sản, 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản mà ông T đã nộp.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Nh phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu mở lại lối đi chung và 336.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp (200.000 đồng theo biên lai số 31380 ngày 23 tháng 11 năm 2015; 168.000 đồng theo biên lai số 0034778 ngày 19 tháng 10 năm 2016) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EB. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Nh phải tiếp tục chịu 168.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EB theo biên lai thu số 0043176, ngày 11/7/2017.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện EB;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng